**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 821/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2026
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiển

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1.Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu

2.Bà Hạp Thị Thanh

*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc Phương – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại Cơ sở A, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 920/2025/HNST ngày 21 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2026/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2026/QĐST-HN ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Út N- sinh năm 1984; CCCD số 092184001695;

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P- sinh năm 1987; CCCD số 092087001332;

Cùng địa chỉ: A L, phường A, Thành phố H

*(Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N – có Đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thanh P – vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2025, tự khai và tại buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N trình bày : bà và ông Nguyễn Thanh P tự nguyện quen biết, tìm hiểu và quyết định kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép, ngăn cản. Ông bà có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/2009, quyển số 01 ngày 22/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, (nay là xã T), Thành phố CT. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Bà nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên bà yêu cầu được ly hôn với

ông Nguyễn Thanh P. Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thanh P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đức Gia L - sinh ngày 13/10/2010 và Nguyễn Ngọc Gia A - sinh ngày 20/07/2018. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Gia A và giao con chung Nguyễn Đức Gia L cho ông Nguyễn Thanh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung : bà Nguyễn Thị Út N xin tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nghĩa vụ dân sự khác: bà Nguyễn Thị Út N xác nhận không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập cho bị đơn ông Nguyễn Thanh P để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Thanh P đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N– có Đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tiến hành trình tự tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/2009, quyển số 01 ngày 22/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, (nay là xã T), Thành phố CT cấp cho các đương sự thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Út N và ông Nguyễn Thanh P là quan hệ hôn nhân được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiếu yêu cầu xác minh, Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: *" ...Nguyễn Thị Út N, SN 1984 cùng ông Nguyễn Thanh P sinh năm 1987 đang thực tế cư trú tại A L, phường A, Thành phố H... "* nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, Tòa án đã tống đạt theo quy định pháp luật các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Thanh P vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình : *"... 1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được..."*.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N thì Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Nguyễn Thị Út N và ông Nguyễn Thanh P có mâu thuẫn trong hôn nhân. Hiện nay, ông bà vẫn còn cư ngụ cùng địa chỉ, ông Nguyễn Thanh P biết sự việc bà Nguyễn Thị Út N nộp đơn khởi kiện tại Toà án nhưng trong suốt quá trình giải quyết ông Nguyễn Thanh P vẫn không đến dù đã triệu tập nhiều lần và cũng không gửi đến Toà án văn bản nêu ý kiến cá nhân của ông. Từ đó nhận thấy ông Nguyễn Thanh P không còn tha thiết, hàn gắng mối quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị Út N. Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Út N. Về con chung : nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N xác nhận 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đức Gia L - sinh ngày 13/10/2010 và Nguyễn Ngọc Gia A - sinh ngày 20/07/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Gia A và giao con chung Nguyễn Đức Gia L cho ông Nguyễn Thanh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 12/12/2025, trẻ Nguyễn Ngọc Gia A có nguyện vọng được theo bà Nguyễn Thị Út N và tại bản tự khai ngày 05/01/2026, trẻ Nguyễn Đức Gia L lựa chọn được theo ông Nguyễn Thanh P. Hội đồng xét xử chấp nhận theo nguyện vọng của các con chung, ghi nhận ý kiến bà Nguyễn Thị Út N về việc không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung : bà Nguyễn Thị Út N xin tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét . Về nghĩa vụ dân sự khác: bà Nguyễn Thị Út N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận bà Nguyễn Thị Út N ly hôn với ông Nguyễn Thanh P. Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/2009, quyển số 01 ngày 22/12/2009 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, (nay là xã T), Thành phố CT cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung : giao con chung tên Nguyễn Ngọc Gia A - sinh ngày 20/07/2018 cho bà Nguyễn Thị Út N trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Nguyễn Đức Gia L - sinh ngày 13/10/2010 cho ông Nguyễn Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L1), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung : bà Nguyễn Thị Út N xin tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét . Về nghĩa vụ dân sự khác: bà Nguyễn Thị Út N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Út N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0039102 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Út N đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Thanh P không phải nộp án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc buộc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 9 – TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 9-TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**Nguyễn Thị Thanh Hiển**